TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 25/01/2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ □N NHÂN DÂN HUYỆN **E** – T□NH THANH H□A

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Ngọc Lâm
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Lâm
2. Bà Lưu Thị Sen.

- Th- ký phiên tòa*:* Ông Nguyễn Thanh Tân — Thư ký Tòa án nhân dân huyện **E**.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E *tham gia phiên tòa:*
Bà Trần Thị Thuận – Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 25/01/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện **E** xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2018/TLST-HNGĐ ngày 25/9/2018 về việc*: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn* theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXX-ST ngày 02/01/2019 giữa các đ- ơng sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Cao Thị A –** Sinh năm 1991
Địa chỉ: Làng **C**, xã **D**, huyện **E**, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh **Bùi Văn B** - sinh năm 1991
Địa chỉ: Làng **C**, xã **D**, huyện **E**, tỉnh Thanh hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị **A**, vắng mặt anh **B** không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện vụ án ly hôn ngày 13/9/2018 và bản tự khai nguyên đơn chị Cao Thị **A** trình bày*:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn **B** tìm hiểu yêu nhau và kết hôn với nhau từ năm 2011. Và đi đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã **D**, huyện **E**, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận với nhau được thời gian khoảng thời gian ngắn đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là anh **B** ngoại tình, bỏ bê công việc, ngoài ra còn về nhà kiếm cớ chửi bới, đánh đập chị, mặt khác quan điểm và tính cách sống không hòa hợp với nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ tháng 01/2015 chị về bên ngoại sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm và có trách nhiệm đến ai. Nay chị xét thấy, mâu thuẫn

vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh **B** không còn không còn ai quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh **B** được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh **B** có 01 con chung cháu Bùi Ngọc **F** – sinh ngày 08/6/2012. Hiện nay cháu đang ở cùng với chị Ly hôn, chị xin nuôi con và chị không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn anh Bùi Văn **B**:* Tòa án tiến hành các thủ tục tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho anh **B**, thông báo cho anh **B** ngày giờ đến Tòa án để lấy lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án, hiện anh **B** đang có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa phương nhưng anh **B** không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, nên Tòa án không lấy được lời khai của anh **B**, không hòa giải được vụ án và tại phiên tòa anh **B** cũng vắng mặt không có lý do.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/10/2018 đối với bà Đỗ Thị Chương – mẹ đẻ anh Bùi Văn **B** trình bày:* Anh Bùi Văn **B** và chị Cao Thị **A** tự nguyện kết hôn với nhau, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã **D**, huyện **E** vào năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về chung sống với gia đình nhà bà ở làng **C**, xã **D**, huyện **E**. Qúa trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị **A** mua sắm không biết tính toán, anh **B** có nói lại rồi hai bên cãi cọ nhau và mâu thuẫn nhau từ đó. Việc mâu thuẫn của vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình dàn xếp, khuyên giải nhưng không có kết quả. Từ tháng 03/2014 đến nay chị **A** về bên ngoại sinh sống và anh chị sống ly thân nhau, không ai quan tâm và có trách nhiệm đến ai. Nay chị **A** có đơn xin ly hôn anh **B**, quan điểm của gia đình: Nếu chị **A** muốn đoàn tụ với anh **B** thì chị **A** quay lại gia đình nhà nội; còn nếu chị **A** cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết theo nguyện vọng của chị **A**. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung: Cháu Bùi Ngọc **F** – sinh ngày 08/6/2012. Gia đình đề nghị Tòa án được nuôi cháu, sau này cháu lớn cháu ở với ai là tùy ở cháu. Về tài sản, công nợ chung: Gia đình không nắm được.

*Tại biên bản thu thập chứng cứ tại nơi cư trú – Trưởng làng **C**, xã **D** cung cấp như sau*: Anh Bùi Văn **B** và chị Cao Thị **A** tự nguyện kết hôn với nhau, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã **D**, huyện **E** vào năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về chung sống với gia đình nhà bố mẹ đẻ anh **B** ở làng **C**, xã **D**, huyện **E**. Qúa trình vợ chồng chung sống có mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được, anh chị cũng không báo cáo với địa phương, địa phương chỉ nắm được từ năm 2015 đến nay chị **A** mang con về bên ngoại sinh sống và không thấy quay về nhà nội nữa. Hiện nay anh **B** có hộ khẩu thường trú tại địa phương và sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại làng **C**, xã **D**. Nay chị **A** có đơn xin ly hôn, quan điểm của địa phương: Đề nghị căn cứ theo pháp luật giải quyết. Về con chung: Anh chị có 01 con chung. Nếu tr- ờng hợp anh chị phải ly hôn, thì đề nghị Tòa án căn cứ vào thực tế để quyết định

giao con cho ai nuôi đảm bảo đ- ợc điều kiện về học tập, sinh hoạt của cháu. Về tài sản, công nợ chung: Địa phương không nắm được.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:** Tất cả các giai đoạn từ khi thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đ- ợc thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTDS năm 2015. Nguyên đơn thực hiện theo đúng quyền và nghĩa vụ, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định của BLTTDS năm 2015. Đề nghị HĐXX xem xét, đánh giá chứng cứ trên cơ sở quy định của pháp luật để đ- a ra quyết định đúng đắn, chính xác, khách quan nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đ- ơng sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326.

- Về hôn nhân: Xử cho chị **A** và anh **B** được ly hôn.
- Về con chung: Giao cháu Bùi Ngọc **F** cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **B** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.
- Về án phí: Chị **A** phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên toà hôm nay chị **A** vẫn giữ nguyên quan điểm của mình. Anh **B** vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay anh **B** đã đ- ợc triệu tập hợp lệ lần 2 nh- ng vắng mặt không có lý do, nên căn cứ khoản 2 điều 227 BLTTDS năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Bùi Văn **B**.

[2]Về hôn nhân: Chị Cao Thị **A** và anh Bùi Văn **B** kết hôn với nhau từ năm 2011, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức c- ới, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Chị **A** cho rằng nguyên nhân của mâu thuẫn là anh **B** ngoại tình, bỏ bê công việc, ngoài ra còn về nhà kiếm cớ chửi bới, đánh đập chị, mặt khác quan điểm và tính cách sống không hòa hợp với nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ tháng 01/2015 chị về bên ngoại sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm và có trách nhiệm đến ai. Đối với anh **B**, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần và tại phiên tòa hôm nay anh **B** vẫn vắng mặt không có lý do, điều này thể hiện anh **B** có thái độ bỏ mặc và không có thiện chí đoàn tụ cùng chị **A**. Nay chị **A** yêu cầu được ly hôn anh **B**.

Xét tình cảm của anh chị thực tế không còn, mâu thuẫn không có khả năng hàn gắn đ- ợc, điều này chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc, nên chấp nhận đơn khởi kiện của chị Cao Thị **A**. Xử cho chị Cao Thị **A** đ- ợc ly hôn với anh Bùi Văn **B** là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]Về con chung: Anh **B**, chị **A** có 01 con chung: Cháu Bùi Ngọc **F** – sinh ngày 08/6/2012. Tại phiên tòa, chị **A** có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu **F** và không yêu cầu anh **B** cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị; Hiện nay cháu **F** đang ở cùng với chị **A** tại gia đình nhà ngoại; ngoài ra do anh **B** thường xuyên vắng mặt tại gia đình, nên việc giao con cho anh **B** không đảm bảo được điều kiện về mọi mặt của cháu. Như vậy việc giao cháu **F** cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **B** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp với thực tế và đảm bảo được điều kiện về mọi mặt của cháu. Sau này anh **B** có nguyện vọng nuôi con thì anh sẽ yêu cầu bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4]Về tài sản, công nợ chung: Chị **A** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5]Về án phí: Chị **A** phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Cao Thị **A** được ly hôn với anh Bùi Văn **B**.

2. Về con chung: Anh **B**, chị **A** có 01 con chung: Cháu Bùi Ngọc **F** – sinh ngày 08/6/2012. Giao cháu **F** cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **B** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh **B** có quyền thăm nom con chung không ai đ- ợc cản trở.

3. Về tài sản, công nợ chung: Chị **A** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: □p dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Cao Thị **A** phải chịu 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* án phí DSST, nh- ng đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số AA/2016/0002218 ngày 24/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện **E**, Chị **A** đã nộp đủ tiền án phí DSST.

Ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị **A** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh **B** vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *Các đ- ơng sự;*
- *VKS huyện **E**;*
- *THA huyện **E**;*
- *UBND xã **D**;*
- *TAND tỉnh Thanh hóa;*

- L- u hồ sơ.

Lê Ngọc Lâm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**